

Số: 24 /QĐ-UBND

Chí Viễn, ngày 23 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2024 của xã Chí Viễn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÍ VIỄN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Chí Viễn về việc phê chuẩn Quyết định dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của xã Chí Viễn (Có biểu kèm chi tiết theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán công khai tại điều 1 các ban, ngành, đoàn thể của xã, công chức Tài chính-Kế toán xã có trách nhiệm tổ chức tốt nhiệm vụ chi, sử dụng kinh phí nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

Điều 3. Văn phòng - Thống Kê, Công chức Tài chính-Kế toán xã và các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- KBNN Trùng Khánh;
- TT HĐND xã;
- TT UBND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VP, TC-KT.



CHỦ TỊCH

Nông Văn Thạch

UBND XÃ CHÍ VIỄN



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 44 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Chí Viễn về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024)

Đơn vị: Nghìn đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.827.524	TỔNG SỐ CHI	6.827.524
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	32.200	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	98.000	II. Chi thường xuyên	6.680.551
III. Thu bổ sung	6.697.324	III. Dự phòng	146.973
- Bổ sung cân đối	6.697.324		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

UBND XÃ CHÍ VIỄN

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 24 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Chí Viễn về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	6.827.524	6.827.524
I	Các khoản thu 100%	32.200	32.200
	Phí, lệ phí	32.200	32.200
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	0	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	98.000	98.000
1	Các khoản thu phân chia	98.000	98.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Thuế thu nhập cá nhân	23.000	23.000
	- Thuế thu ngoài quốc doanh	75.000	75.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.697.324	6.697.324
	- Thu bổ sung cân đối	6.697.324	6.697.324
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 24 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Chí Viễn về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng chi	6.827.524		6.827.524
	Trong đó	0		
1	Chi an ninh quốc phòng	330.000		330.000
	- Kinh phí an ninh trật tự	80.000		80.000
	-Kinh phí Chi quốc phòng	50.000		50.000
	- Kinh phí Chi bảo vệ cộc mốc	200.000		200.000
2	Chi giáo dục (trung tâm học tập cộng đồng)	44.440		44.440
3	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	17.999		17.999
4	Sự nghiệp thể dục thể thao	27.000		27.000
5	Kinh phí toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh	96.000		96.000
6	Sự nghiệp kinh tế	70.011		70.011
	- SN giao thông (duy tu đường giao thông nông thôn)	70.011		70.011
	- Hỗ trợ kinh tế trang trại, gia trại	0		
	- SN thị chính	0		
	- Thương mại, dịch vụ	0		
	- Các sự nghiệp khác	0		
7	Sự nghiệp môi trường	100.000		100.000
8	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.995.101		5.995.101
	Trong đó:	0		
8.1	Quản lý Nhà nước	3.728.033		3.728.033
8.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	1.008.510		1.008.510
8.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	598.170		598.170
8.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	204.388		204.388
8.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	136.959		136.959
8.6	Hội Cựu chiến binh	203.110		203.110
8.7	Hội Nông dân	115.931		115.931
9	Chi khác	0		
10	Dự phòng	146.973		146.973